TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2020/QĐST-HNGĐ	*Kiên Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v "Xác định cha, con"

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần giải quyết việc hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kim Hường

Thư ký phiên họp: Bà Trần Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên họp: Ông Trương Thanh Triều – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc "xác định cha, con" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân gia đình số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020.

- *Người yêu cầu:* Ông Su, Kuo- L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 113- 8 N, Khóm 10, phường N, khu T, thành phố Đ, Đài Loan.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Phạm Cẩm T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu phố T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Cháu: Su N, sinh ngày 10/9/2018.

Người đại diện hợp pháp cho cháu N: Bà Phạm Cẩm T, sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu phố T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (Người giám hộ).

(Ông Su, Kuo -L, Bà Phạm Cẩm T và Su N vắng mặt tại phiên họp).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

- Người yêu cầu ông Su, Kuo- L trình bày tại đơn yêu cầu như sau:

Năm 2018 ông đến Việt nam, có quen biết và tìm hiểu với bà Phạm Cẩm T. Sau đó ông và bà T kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 29/5/2018. Đến ngày 10/9/2018 bà T sinh con, tên Su N, giới tính nam. Khi làm giấy khai sinh cho cháu Nhân bà T khai ông là người đứng tên cha cháu Nhân. Sau khi sinh, cháu Nhân sống chung với mẹ tại Việt Nam còn ông trở về Đài Loan. Năm 2019 ông và bà T đã ly hôn tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang. Hiện tại còn con chung là Su N, tuy nhiên khi xét nghiệm DNA huyết thống, thì kết quả xét nghiệm DNA ông và Su N không phải là cha con ruột.

Do đó, ông yêu cầu Tòa án xác định cháu Su N sinh ngày 10/9/2018, giới tính nam, không phải là con ruột của ông.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan và cũng là người giám hộ cháu Su N bà Phạm Cẩm T trình bày tại bản khai: Năm 2018 bà quen biết và kết hôn với ông Su, Kuo L, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 29/5/2018. Đến ngày 10/9/2018 bà sinh con và đặt tên là Su N, nhưng Su N không phải là con chung của bà và ông Su, Kuo- L. Do khi bà kết hôn với ông Su, Kuo -L thì bà đã mang thai cháu Su N với người đàn ông khác. Cháu Su N không có quan hệ huyết thống cha con với ông Su, Kuo- L. Kết quả giám định xét nghiệm DNA mà ông Su, Kuo L nộp cho Tòa án là hoàn toàn chính xác. Do đó bà đồng ý theo đơn yêu cầu của ông Su, Kuo- L, ông không phải là cha ruột của cháu Su N.

- Tại phiên họp đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng Thẩm phán và Thư ký đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng và người yêu cầu cũng như người liên quan chấp hành pháp luật từ khi thụ lý đến khi giải quyết.

Về nội dung đề nghị Tòa án căn cứ vào kết quả xét nghiệm DNA số 6363-DTHPT-DNAHT ngày 13/11/2018 (BL17) và ý kiến trình bày của bà Phạm Cẩm T ngày 02/4/2000 chấp nhận yêu cầu của ông Su, Kuo -L, xác định cháu Su N không phải là con ruột của ông Su, Kuo - L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình và ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang nhận định:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu ông Su, Kuo - L, người liên quan bà Phạm Cẩm T và đồng thời là người giám hộ cho cháu Su N có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ điều 238, Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thống nhất theo ý kiến đại diện Viện Kiểm sát giải quyết vắng mặt ông Su, Kuo- L và bà Phạm Cẩm T.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Su, Kuo- L có đơn yêu cầu Tòa án không công nhận cháu Su N là con. Căn cứ quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu của Ông Su, Kuo - L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung: Tại Đơn yêu cầu, bản khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt của ông Su, Kuo- L và ý kiến của Bà Phạm Cẩm T tại bản khai, thống nhất xác định: năm 2018 ông Su, Kuo- L quen biết và tìm hiểu với bà Phạm Cẩm T đến ngày 29/5/2018 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Đến ngày 10/9/2018 bà T sinh con và đặt tên là Su N, nhưng Su N không phải là con chung của bà T và ông Su, Kuo- L theo giấy khai sinh bà T đăng ký (BL18). Do khi bà kết hôn với ông Su, Kuo- L thì bà T đã mang thai cháu Su N với người đàn ông khác (BL23).

Đồng thời, theo văn bản Kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số 6363-DTHPT-DNAHT ngày 13/11/2018 của Bệnh viện truyền máu huyết học Thành phố Hồ Chí Minh (BL17) kết luận " ông Su, Kuo - L không phải là cha đẻ của Su N".

Từ các căn cứ trên, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37, Điều 91, điều 92, Điều 149, Điều 371, 372 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Su, Kuo- L xác định cháu Su N sinh ngày 10/9/2018, giới tính nam, dân tộc kinh, quốc tịch Việt Nam không phải là con của ông Su, Kuo- L.

2. Lệ phí sơ thẩm: Ông Su, Kuo -L phải chịu lệ phí việc hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông Su, Kuo-L đã nộp theo biên lai thu số 0003099, ngày 08/6/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Ông Su, Kuo- L, bà Phạm Cẩm T có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Lưu

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Hường